

Bản án số: 19/2022/DSST

Ngày 24/02/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tướng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phạm Tiến L**

- Bà **Nguyễn Thị L**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị T** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị H** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 241/2020/TLST-DS ngày 16/12/2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Lưu Thị H**, sinh năm 1952

Bà **Lưu Thị C**, sinh năm 1937

Bà **Lưu Thị X**, sinh năm 1946

Đều trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn:** Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1937 (đã chết năm 2021)

Trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

**3. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị S:**

Anh Lưu Văn B, sinh năm 1977

Anh Lưu Văn L (không rõ năm sinh)

Đều trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Anh Lưu Đức M, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Anh Lưu Văn T, sinh năm 1971 (không rõ địa chỉ) (đã chết)

Chị C, anh M (không rõ năm sinh và không rõ địa chỉ)

**Có mặt:** Bà Lưu Thị H; bà Lưu Thị H là đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị C và bà Lưu Thị X.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Lưu Thị H trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất: Thửa đất tranh chấp là loại đất 5%, trước đây vị trí đất tranh chấp tại Sân vận động xã P còn 04 suất của các bà Lưu Thị C, Lưu Thị V, Lưu Thị X và Lưu Thị H mỗi người được 3 thước, tổng là 12 thước. Quá trình sử dụng, UBND xã P đã thu hồi và giao lại đất 5% cho các bà có tên trên ở xứ đồng G, xóm Đ, mỗi bà được 6 thước, tổng cộng là 24 thước.

Năm 1993 diện tích đất được cấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lưu Văn T với tổng diện tích là 576m<sup>2</sup> tại xứ đồng G, xóm Đ, thôn P, xã P. Đến năm 2016, thửa đất đã được tách trả cho bà Lưu Thị V với diện tích là 144m<sup>2</sup>, còn lại 432m<sup>2</sup> được cấp cho hộ ông Lưu Văn T và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019 thì ông Lưu Văn T chết nên chưa kịp hoàn tất thủ tục tách cho các bà C, bà X và bà H.

Quá trình làm việc, hòa giải đã được tiến hành tại UBND xã P nhưng phía bà Trần Thị S (vợ ông T) không đồng ý. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được sử dụng phần đất 5% mà Nhà nước cấp cho bà theo quy định.

### **\* Ý kiến của bị đơn bà Trần Thị S:**

Bà Trần Thị S không lên Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập. Tuy nhiên, theo Biên bản lấy lời khai thì bà S trình bày như sau: Bà S xác nhận việc Nhà nước cấp đất 5% cho bà C, bà X, bà V và bà H nằm chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lưu Văn T là chồng của bà. Ông T đã làm thủ tục trả lại phần đất cho bà V, nhưng do ông T chết vào năm 2019 nên chưa hoàn tất thủ tục. Bà S cũng đồng ý sẽ trả lại phần đất cho bà C, bà X và bà H theo đúng số diện tích mà Nhà nước cấp.

Đến tháng 5/2021, bà Trần Thị S chết. Theo xác minh tại Công an xã P và theo lời khai của đương sự thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị S gồm có:

Anh Lưu Văn B, sinh năm 1977

Anh Lưu Văn L (không rõ năm sinh)

Đều trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Anh Lưu Đức M, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú tại: thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Anh Lưu Văn T, sinh năm 1971 (không rõ địa chỉ) (đã chết)

Chị C, bà V (không rõ năm sinh và không rõ địa chỉ)

**\* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị S:** Quá trình làm việc, các đương sự không hợp tác để Tòa án lấy lời khai nên không ghi nhận được ý kiến.

Địa phương và Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để bà nhận lại phần đất mà Nhà nước cấp cho bà và bà C, bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Buộc Bị đơn trả lại phần đất mà Nhà nước cấp với tổng diện tích là 420m<sup>2</sup> cho các bà H, bà C, bà X (trong đó mỗi bà được 140m<sup>2</sup>). Phần diện tích đất phải trả nằm trong thửa đất số 125, tờ bản đồ số 02 mang tên hộ ông Lưu Văn T tại xóm Đ, thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ. Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ phần án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ phần án phí nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn về phần án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà H, bà C, bà X đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Do đó Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết là đúng về thẩm quyền. Ngày 26/01/2022, Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng Bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Hôm nay, Tòa án mở lại phiên tòa lần hai nhưng người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Bà H, bà C, bà X đề nghị Bị đơn trả lại phần quyền sử dụng đất 5% của các bà do Nhà nước cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 02 mang tên hộ ông Lưu Văn T tại xóm Đ, thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ.

[3]. Xét về yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Lưu Thị H, bà Lưu Thị C, bà Lưu Thị X thì thấy:

Về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất tranh chấp là loại đất 5%, trước đây vị trí đất tranh chấp tại Sân vận động xã P còn 04 suất của các bà Lưu Thị C, Lưu Thị V, Lưu Thị X và Lưu Thị H mỗi người được 3 thước, tổng là 12 thước. Quá

trình sử dụng, UBND xã P đã thu hồi và giao lại đất 5% cho các bà có tên trên ở xứ đồng G, xóm Đ, mỗi bà được 6 thước, tổng cộng là 24 thước.

Năm 1993 diện tích đất được cấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lưu Văn T với tổng diện tích là 576m<sup>2</sup> tại xứ đồng G, xóm Đ, thôn P, xã P. Đến năm 2016, thửa đất đã được tách trả cho bà Lưu Thị V với diện tích là 144m<sup>2</sup>, còn lại 432m<sup>2</sup> được cấp cho hộ ông Lưu Văn T và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019 thì ông Lưu Văn T chết nên chưa kịp hoàn tất thủ tục tách cho các bà C, bà X và bà H.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Qua xem xét thẩm định, qua xác minh tại địa phương và thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, bà V, bà C, bà X và bà H được Nhà nước cấp cho quyền sử dụng đối với 140m<sup>2</sup> đất 5%, và phần diện tích đó được cấp Giấy chứng nhận được cấp cho hộ ông Lưu Văn T. Khi ông Lưu Văn T còn sống, ông mới hoàn tất thủ tục tách trả thửa đất cho bà Lưu Thị V. Tuy nhiên, còn phần đất của bà C, bà X, bà H thì chưa làm xong thủ tục thì ông T chết.

Qua Biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị S (vợ ông Lưu Văn T), bà S cũng xác nhận trong Giấy chứng nhận cấp cho hộ ông Lưu Văn T có phần đất được Nhà nước cấp của bà C, bà X và bà H. Đến tháng 5/2021, bà S chết. Tòa án nhân dân huyện tiến hành xác minh và làm việc với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lưu Văn T và bà Trần Thị S. Tuy nhiên, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T và bà S không hợp tác làm việc.

Vì vậy, theo yêu cầu của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Buộc ông T và bà S có trách nhiệm trả lại phần đất do Nhà nước giao cho bà H, bà C và bà X. Tuy nhiên, ông T và bà S đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T và bà S có trách nhiệm trả lại phần đất do Nhà nước giao cho bà H, bà C và bà X. Phần diện tích đất bà H, bà C và bà X được nhận là 140m<sup>2</sup>/01 người (tổng diện tích phải trả là 420m<sup>2</sup>), nằm trong tổng diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 02 mang tên hộ ông Lưu Văn T tại xóm Đ, thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn về phần án phí.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 171 Luật đất đai; Điều 245, 248 Bộ luật

dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Cụ thể: Xác định thửa đất số 125, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.052 m<sup>2</sup> tại xóm Đ, thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội, hiện thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lưu Văn T bao gồm cả diện tích phần đất được Nhà nước giao của các bà C, bà X, bà H.

Buộc ông T và bà S có trách nhiệm trả lại phần đất do Nhà nước giao cho bà H, bà C và bà X. Tuy nhiên, ông T và bà S đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T và bà S có trách nhiệm trả lại phần đất do Nhà nước giao cho bà H, bà C và bà X.

Phần diện tích đất bà H, bà C và bà X được nhận là 140m<sup>2</sup>/01 người (tổng diện tích phải trả là 420m<sup>2</sup>), nằm trong tổng diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 02 mang tên hộ ông Lưu Văn T tại xóm Đ, thôn P, xã P, huyện Chương Mỹ.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.835.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0010384 ngày 16/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ. Số tiền án phí còn phải nộp là 1.735.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Tưởng Ngọc T***

